TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2017/HNST
Ngày: 14/02/2017
Về việc:"Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Tống Lâm Vuông**
2. Bà **Huỳnh Ngọc Song**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: bà Phạm Thị Huê – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà **Dương Thị Hồng Lánh**, kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 02 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 356/2016/TLST-HN ngày 18 tháng 10 năm 2016; về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 19 tháng 01 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* anh Dương Bảo T, sinh 1982 *(có mặt);*

Địa chỉ: A161/2 Khu phố 2, phường Tân Thới Hiệp, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* chị Nguyễn Thị G, sinh 1992 *(xin vắng mặt);*

Địa chỉ: ấp Cây Dương, xã Thanh Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

NHẬN THẤY:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 15/7/2016, bản tự khai ngày 01/11/2016 và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Dương Bảo T trình bày:* anh Dương Bảo T với chị Nguyễn Thị G quen biết nhau và tiến đến hôn nhân vào năm 2011 và có đi đăng ký kết hôn vào ngày 23/6/2011 tại UBND xã Tân Thới Hiệp, quận 12, tp Hồ Chí Minh. Trong quá trình sống chung vợ chồng không có con chung, tài sản chung và nợ chung.

Nguyên nhân mâu thuẩn vợ chồng hay cải vã nhau và chị G tự ý bỏ đi thuê nhà khác ở riêng. Hiện tại chị G cũng đã có gia đình mới nên tình cảm giữa anh T với chị G không còn.

Nay nguyên đơn Dương Bảo T yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Về hôn nhân: anh T yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị G.

+ Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản khai, biên bản lấy lời khai và đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 21/12/2016 bị đơn chị Nguyễn Thị G trình bày:

Chị G có kết hôn với anh Dương Bảo T vào ngày 23/6/2011 và sống chung với nhau tại nhà chị G. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh T với chị G là do không hợp nhau hay cãi vã nên chị G bỏ đi; hiện nay chị G đã có gia đình khác nên chị chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của anh T.

+ Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có nên chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và cho rằng chị G đã có gia đình mới, anh T quyết định xin ly hôn do vợ chồng không còn tình nghĩa nữa. Bị đơn Nguyễn Thị G vắng mặt và có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt vào ngày 21/2/2016.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự và về nội dung vụ án vị đề nghị chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị G vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

- Về mặt nội dung:

1. Về hôn nhân: anh Dương Bảo T với chị Nguyễn Thị G xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2011 và có đi đăng ký kết hôn vào ngày 23/6/2011 tại UBND xã Tân Thới Hiệp, quận 12, TP. Hồ Chí Minh theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; do đó hôn nhân của anh T với chị G là hợp pháp. Trong quá trình chung sống do vợ chồng cự cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn, chị G bỏ đi và hiện nay chị G đã có gia đình mới. Chị G có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt và chấp nhận ly hôn với anh T. Từ đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh T được ly hôn với chị G.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: anh T, chị G khai không có và không tranh chấp nên Hội đồng không đặt ra xem xét.

3. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T cho anh Dương Bảo T được ly hôn với chị Nguyễn Thị G.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: anh T, chị G khai không có và không tranh chấp nên Hội đồng không đặt ra xem xét.

3. Về án phí: Nguyên đơn Dương Bảo T phải chịu 200.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006096, ngày 11 tháng 10 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn Dương Bảo T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với chị Nguyễn Thị G có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa

Nơi nhận
-TAND tỉnh Trà Vinh;
VKSND huyện Châu Thành;
Các đương sự;
Lưu.

Nguyễn Thanh Tuấn

TÒA ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH

Độc lập – Tự do –Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuấn
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Tống Lâm Vuông**
2. Ông **Huỳnh Ngọc Song**

Căn cứ vào Điều 235 và Điều 264 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Vào lúc …… giờ ……. phút, ngày 14/02/2017, tại Phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 356/2016/TLST-HN ngày 18 tháng 10 năm 2016, về việc: "Tranh chấp ly hôn";

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử thảo luận và biểu quyết những vấn đề trong vụ án như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 147 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T cho anh Dương Bảo T được ly hôn với chị Nguyễn Thị G.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: anh T, chị G khai không có và không tranh chấp nên Hội đồng không đặt ra xem xét.

3. Về án phí: Nguyên đơn Dương Bảo T phải chịu 200.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 006096, ngày 11 tháng 10 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn Dương Bảo T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với chị Nguyễn Thị G có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên =100%.
Nghị án kết thúc cùng ngày./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**